

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29 – 02 – 2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Minh Việt

Ông Lê Văn Dãy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Vũ K, sinh năm 1989;

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Chị Hữu Thị Sa P, sinh năm 1992;

Địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 15/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Vũ K trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Hữu Thị Sa P tự nguyện chung sống với nhau và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc và hiện tại vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2019. Anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với chị P được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị P có 02 người con tên

Hữu Nguyễn Trang H sinh ngày 11/4/2011 và Hữu Nguyễn Khánh L sinh ngày 29/6/2014, hiện các cháu H và L do anh đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh K yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu H và L, việc cấp dưỡng cho con không đặt ra.

Về tài sản chung: Anh K xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh K xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho chị Hữu Thị Sa P, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng chị P không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của anh K, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Hữu Thị Sa P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị P.

[2] Về hôn nhân: Anh K với chị P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2012. Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Vũ K với chị Hữu Thị Sa P được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo anh K xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc do bất đồng quan điểm và hiện tại vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2019. Tại phiên tòa anh K xác định không còn tình cảm với chị P và cũng không thể tiếp tục chung sống với chị P được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với chị P; đối với chị Hữu Thị Sa P, đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của anh K nhưng chị P cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh K. Điều đó cho thấy chị P đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa, mặt khác từ các chứng cứ có tại hồ sơ do anh K cung cấp cho thấy hôn nhân của anh K với chị P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh K, cho anh K được ly hôn với chị P là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh K xác định trong thời gian chung sống anh K và chị P có 02 người con tên Hữu Nguyễn Trang H sinh ngày 11/4/2011 và Hữu Nguyễn Khánh L sinh ngày 29/6/2014, hiện hai cháu H và L do anh K đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai cháu H và L; đối với chị P không có ý kiến gì về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh K, chị P ly thân cho đến nay hai cháu H và L do anh K nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao hai cháu H và L cho anh K

được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu H và L; đối với việc cấp dưỡng cho con anh K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh K xác định vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với chị P không có ý kiến gì về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh K xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với chị P không có ý kiến gì về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Vũ K phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Vũ K. Cho anh Nguyễn Vũ K được ly hôn với chị Hữu Thị Sa P.

2. Về con chung: Giao các cháu H1 Nguyễn Trang H sinh ngày 11/4/2011 và Hữu Nguyễn Khánh L sinh ngày 29/6/2014 cho anh K được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Vũ K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0015799 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; anh K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Anh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tiêu Hồng Phụng

